

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2023/DS-PT

Ngày: 29-5-2023

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản,
tranh chấp hợp đồng tặng cho
quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng;

Các Thẩm phán: Ông Hà Chí Quốc; bà Nguyễn Thị An Tiên.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 và 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 116/2022/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn M, sinh năm 1964, cư trú tại: ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Văn M: Anh Phùng QL, sinh năm 1980, cư trú tại: khu phố HNg, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Lý L1 Â (tên thường gọi là T), sinh năm 1970; bà Lê Thị P (tên thường gọi là L), sinh năm 1973. Cùng cư trú tại: Tổ 21, ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và L1 ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Đ1, của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Lương T2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- *Người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan:*

+ Cụ Lê Thị T1, sinh năm 1934; cư trú tại: ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

+ Bà Lý Thị L1 (tên thường gọi là L1), sinh năm 1956, cư trú tại: ấp B2, xã PM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

+ Bà Lý Thị G, sinh năm 1960, cư trú tại: ấp BD, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt, có ủy quyền)

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị G, bà Lý Thị L1: Anh Phùng QL, sinh năm 1980, cư trú tại: khu phố HNg, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

+ Bà Lý Thị M, sinh năm 1957, cư trú tại: ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Bà Lý Thị H2, sinh năm 1969, cư trú tại: thị xã HTh, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Lý Hoàng T2, sinh năm 1991, cư trú tại: Ấp B2, xã PM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Lý Hoài Th2, sinh năm 1994, cư trú tại: Ấp B2, xã PM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Em Lý Hoài A1, sinh năm 2010, cư trú tại: Ấp B2, xã PM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của em Lý Hoài A1: Bà Nguyễn Thị Lan, cư trú tại: Ấp B2, xã PM, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

+ Anh Lý Thành L1, sinh năm 1993; chị Nguyễn Thị Thùy T4, sinh năm 1993. Cùng cư trú tại: ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (yêu cầu xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Lý L1 Â, bà Lê Thị P là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lý Văn M và người đại diện theo ủy quyền của ông M là anh Phùng QL trình bày:*

Mẹ ông M là cụ Lê Thị T1, cha ông M là cụ Lý Văn Kiệt (chết vào năm 2009), hai cụ có 07 người con, gồm: Lý Thị L1, Lý Thị M, Lý Thị G, Lý Văn M, Lý Văn Mẩn (ông Mẩn đã chết vào năm 2022, vợ là Nguyễn Thị Lan, đã ly hôn vào năm 2019, có 03 người con là Lý Hoàng T2, Lý Hoài Th2, Lý Hoài A1), Lý Thị H2 và Lý Long Â. Cụ K không có con riêng, con nuôi hay người thừa kế nào khác.

Trong thời gian chung sống, cụ K và cụ T1 tạo lập được tài sản là 32.940 m² đất, tọa lạc tại: Ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 01220 QSD ngày 01-12-1996, do Ủy ban nhân dân huyện DMC cấp, cụ Lê Thị T1 đứng tên.

Năm 2005, cụ T1 làm thủ tục cấp đổi và được cấp lại thành 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01171 ngày 02-12-2005, thửa 260, diện tích 2.100 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01171 ngày 02-12-2005, thửa 1522, diện tích 1.740 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01174 ngày 02-12-2005, thửa 262, diện tích 7.220 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01175 ngày 02-12-2005, thửa 261, diện tích 6.340 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01173 ngày 02-12-2005, thửa 445, diện tích 5.000 m²; và nhận chuyển nhượng của ông Lý Văn Mẩn 01 phần được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H01557 ngày 08-3-2006, thửa 395, diện tích 8.334 m², tổng cộng diện tích 30.744 m².

Năm 2006, cụ T1 lập hợp đồng tặng cho ông Lý Long Â toàn bộ diện tích đất nêu trên nên ông Â được Ủy ban nhân dân huyện DMC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03585 ngày 13-11-2007, thửa 261, 262, 1522, diện tích 15.300 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03583 ngày 13-11-2007, thửa 395, diện tích 8.334 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03584 ngày 13-11-2007, thửa 445, diện tích 5.000 m², tổng cộng là 28.634 m². Việc cụ T1 tặng cho đất cho ông Â thì ông M và các anh chị em đều không biết.

Đất tranh chấp qua đo đạc thực tế diện tích là 26.192,7 m², gồm: 5.975,6 m² thuộc thửa 18 (thửa cũ 395), diện tích 5.069,6 m² thuộc thửa 15 (thửa cũ 445), diện tích 15.147,5 m² thuộc thửa 95 (thửa cũ 261, 262, 1522), trong đó ½ diện tích là của cụ T1; ½ diện tích là của cụ K, cụ K chết không để lại di chúc.

Ông M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ K theo pháp luật cho 08 người gồm cụ T1 và 07 người con, trong đó có ông M, mỗi người 2.058,75 m².

- Bị đơn, ông Lý Long Â trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và người thừa kế của cụ K.

Cụ T1 và cụ K ly thân từ năm 1979. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Văn S là em ruột cụ T1 tặng cho, là tài sản riêng của cụ T1, không phải là di sản của cụ K.

Năm 1996 cụ T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2007, cụ T1 đã làm thủ tục tặng cho ông và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc tặng cho hoàn toàn hợp pháp, đúng thủ tục

theo quy định pháp luật, đất đã là tài sản của ông, ông không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế.

Trên đất hiện nay có nhà của ông và vợ là bà Lê Thị P xây từ năm 2016, cụ T1 sống với con trai ông là Lý Thành L1 và vợ của L1 là Nguyễn Thị Thùy T4 trong ngôi nhà này, vợ chồng ông sống ở chỗ làm, thỉnh thoảng có về nhà, phần đất không có nhà thì ông trồng mì, mía.

- Bị đơn, bà Lê Thị P trình bày:

Bà là vợ ông Lý Long Â, thống nhất theo yêu cầu của ông Â, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G do anh Phùng QL là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và người thừa kế của cụ K.

Đất hiện đang tranh chấp là tài sản chung của cụ T1 và cụ K, cụ T1 kê khai đăng ký và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996, làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005, để tiện cho việc đứng tên giấy đất không cần cụ K ký tên nên cụ T1 khai nguồn gốc đất do cụ T1 khai phá.

Vào năm 2007, cụ T1 có nhu cầu vay vốn ngân hàng để sản xuất nhưng do lớn tuổi không vay được, lúc bấy giờ cụ T1 sống chung với ông Â nên làm thủ tục tặng cho để ông Â đứng tên đất, thế chấp vay vốn ngân hàng, thực tế không có việc tặng cho.

Vì vậy, cụ T1 yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho, trả lại $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho cụ T1, $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại là di sản của cụ K nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật cho cụ T1 và các con, yêu cầu chia bằng hiện vật.

Bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G là con của cụ T1 và cụ K, thống nhất theo yêu cầu của cụ T1, yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Lý Thị H2 trình bày:

Bà là con của cụ T1 và cụ K, thống nhất theo trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân và người thừa kế của cụ K.

Năm 1978, gia đình bà sinh sống ở huyện ĐH, tỉnh Long An, do kinh tế khó khăn nên cha mẹ mới về xã PN, huyện DMC sinh sống lập nghiệp. Cha mẹ và các anh chị em trong gia đình cùng nhau khai phá đất đai, năm 1996 cụ T1 kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ T1 đứng tên.

Đất là tài sản chung của cụ T1 và cụ K nhưng cụ T1 làm thủ tục tặng cho ông Â toàn bộ mà không có sự đồng ý của cụ K nên hợp đồng tặng cho không hợp pháp.

Yêu cầu chia thừa kế phần di sản của cụ K để lại là $\frac{1}{2}$ phần đất nêu trên theo quy định pháp luật, bà yêu cầu chia bằng hiện vật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lý Hoàng T2 trình bày:

Anh là con của ông Lý Văn M1 và bà Nguyễn Thị L3, ông M1 là con của cụ T1, cụ K.

Ông M1 và bà L3 có 03 người con gồm anh và 02 người em là Lý Hoài Th2, Lý Hoài A1.

Cha mẹ anh đã ly hôn cách nay khoảng 02 năm, anh sống cùng cha, vào tháng 3-2022 cha chết nên anh có rước mẹ về sống cùng.

Anh yêu cầu cho anh em của anh được hưởng phần di sản mà cha anh được chia thừa kế của cụ K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Hoài Th2 trình bày:

Anh là em của anh Lý Hoàng T2, thống nhất theo yêu cầu của anh T2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan em Lý Hoài A1 do bà Nguyễn Thị Lan là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Bà là mẹ của em Lý Hoài A1, là vợ ông Lý Văn M1 nhưng đã ly hôn vào năm 2019, ông M1 đã chết vào năm 2022. Ông M1 là con của cụ Lê Thị T1 và cụ Lý Văn K.

Khi còn sống chung với ông M1, bà biết được việc cụ T1 có cho ông Mấn đứng tên 12.440 m² đất, thực tế chỉ đứng tên giùm, cụ T1 vẫn sử dụng đất và sau này chuyển nhượng cho người khác, không liên quan đến bà và các con ông Mấn.

Về việc tranh chấp thừa kế di sản của cụ K, bà tham gia với tư cách là người đại diện theo pháp luật của em Lý Hoài A1, bà yêu cầu cho em A1 cùng với 02 anh là Lý Hoàng T2 và Lý Hoài Th2 được hưởng phần thừa kế của ông Mấn được chia từ di sản của cụ K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lý Thành L1 trình bày:

Anh là con trai của ông Lý Long Â, anh và vợ là Nguyễn Thị Thùy T4 sống cùng cụ T1 trên đất đang tranh chấp.

Theo anh biết thì vào năm 2007 cụ T1 làm thủ tục tặng cho ông Â đất để tiện vay vốn ngân hàng, vợ chồng anh không yêu cầu gì đối với đất tranh chấp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy T4 trình bày:

Chị là vợ anh Lý Thành L1, thống nhất theo yêu cầu của anh L1.

- Quá trình khởi kiện và xét xử như sau:

Ngày 03-4-2019, ông M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ K, cụ T1; yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất đối với ông Á.

Tòa án nhân dân huyện DMC xét xử theo Bản án sơ thẩm số: 55/2019/DS-ST ngày 27-11-2019, nội dung: Tuyên bố hợp đồng tặng cho đất giữa cụ Lê Thị T1 và ông Lý Long Á vô hiệu; buộc ông Lý Long Á giao trả đất; xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất là của cụ T1, cụ T1 được sở hữu; $\frac{1}{2}$ diện tích là của cụ K, chia thừa kế theo quy định pháp luật cho cụ T1 và các con.

Bản án phúc thẩm số: 170/2020/DS-PT ngày 01-9-2020, của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và về nội dung phần đất thừa 260, diện tích 2.100 m² là một phần trong hợp đồng tặng cho giữa cụ T1 và ông Á, sau đó cụ T1 đã chuyển nhượng không còn, các đương sự không tranh chấp nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên toàn bộ hợp đồng tặng cho vô hiệu là không đúng, các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

Quyết định Giám đốc thẩm số: 244/2021/DS-GĐT ngày 16-11-2021, của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định đất tranh chấp là tài sản chung của cụ T1 và cụ K được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, hủy bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm với các lý do:

+ Phần đất ông Lý Văn M1 đứng tên vào năm 1995 có thửa 395, diện tích 4.500 m², sau đó chuyển nhượng cho cụ T1, trong hợp đồng chuyển nhượng đất từ ông M1 sang cụ T1 có thửa 395 diện tích 8.334 m² nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ T1 không có thửa 395, những vấn đề này chưa được làm rõ mà xác định toàn bộ diện tích đất là tài sản chung của cụ T1 và cụ K là chưa đủ căn cứ.

+ Hợp đồng tặng cho đất giữa cụ T1 và ông Á không thể hiện điều kiện, phần tặng cho của cụ T1 có hiệu lực $\frac{1}{2}$ tài sản nhưng Tòa án cấp sơ, phúc thẩm đã tuyên toàn bộ hợp đồng tặng cho vô hiệu là sai lầm nghiêm trọng.

+ Từ việc hủy hợp đồng tặng cho dẫn đến hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Á nhưng không đưa cơ quan cấp giấy vào tham gia tố tụng.

Khi thụ lý lại vụ án giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

- Bản án Dân sự sơ thẩm số: 116/2022/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn M, cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G, bà Lý Thị Hận anh Lý Hoài Th2, anh Lý Hoài T2, em Lý Hoài A1 đối với ông Lý Long Á về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị T1 về “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 15-7-2007, giữa cụ Lê Thị T1 và ông Lý Long A vô hiệu một phần đối $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất các thửa 261, 262, 1552, tờ bản đồ số 6 (diện tích đo đạc thực tế 15.147,5 m², thửa 95, tờ bản đồ 31); thửa 395, tờ bản đồ số 6 (diện tích đo đạc thực tế 5.975,6 m² thửa 18, tờ bản đồ 40) và thửa 445 tờ bản đồ số 6 (diện tích đo đạc thực tế 5.069,6 m² thửa 15, tờ bản đồ 40), tọa lạc tại: Ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, trị giá 3.177.817.421 đồng.

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp thửa 260, diện tích 2.100 m².

Ông Lý Long A được quyền quản lý, sử dụng các phần đất sau:

Phần đất có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8.334 m², thửa 395, tờ bản đồ số 6 (đo đạc thực tế diện tích là 5.975,6 m², thửa 18, tờ bản đồ 40), có T1 cận: Đông giáp đất ông Lê Văn Tr1 dài 73,30 m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Ngh dài 137,23 m; Tây giáp đường đất dài 40,84 m; Bắc giáp thửa 15 dài 47,14 m, giáp đất ông Lê Thanh L1 dài 22,02 m + 15,69 m, giáp đường đất dài 31,15 m.

Phần đất có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 5.000 m², thửa 445, tờ bản đồ số 6 (đo đạc thực tế diện tích là 5.069, 6 m², thửa 15, tờ bản đồ 40), có T1 cận: Đông giáp thửa 18 dài 18,53 m + 11,9 m và giáp ông Lê Thanh L1 dài 14,46 m; Nam giáp thửa 18 dài 47,14 m và giáp đường đất dài 32,05 m + 19,89 m; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ngh dài 66,28 m; Bắc giáp đất ông Lê Thanh L1 dài 88,61 m + 17,26 m.

Tổng giá trị tài sản ông A được hưởng là 3.203.796.376 đồng, trong đó tài sản cụ T1 tặng cho ông A trị giá 3.177.817.421 đồng, phần chênh lệch còn lại là 25.978.955 đồng thuộc kỷ phần thừa kế ông A được hưởng.

Phần di sản của cụ Lý Văn K được chia cho hàng thừa kế thứ nhất, mỗi kỷ phần tương đương giá trị là 397.227.177 đồng, cụ thể như sau:

Chia diện tích 15.147,5 m², thửa 95, tờ bản đồ 31 (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 15.300 m², thửa 261, 262, 1522, tờ bản đồ số 6):

Cụ Lê Thị T1 được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 14,64 m; Nam giáp đất bà Lý Thị L1 dài 204,21 m; Tây giáp thửa 328 dài 8,91 m; Bắc giáp thửa 82 dài 180,97 m + 17,11 m + 16,92 m. (phần 1)

Bà Lý Thị L1 được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 15,89 m; Nam giáp đất bà Lý Thị M dài 192,49 m; Tây giáp thửa 328 dài 9,67 m; Bắc giáp đất cụ Lê Thị T1 dài 204,21 m. (phần 2)

Bà Lý Thị M được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 16,93 m; Nam giáp đất bà Lý Thị G dài 180,01 m; Tây giáp thửa 328 dài 10,30 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị L1 dài 192,49m. (phần 3)

Bà Lý Thị G được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 18,19 m; Nam giáp đất anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 dài 166,59 m; Tây giáp thửa 328 dài 11,07 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị M dài 180,01 m. (phần 4)

Ông Lý Văn M được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 19,79 m; Nam giáp đất bà Lý Thị H2 dài 152 m; Tây giáp thửa 328 dài 12,04 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị G dài 166,59 m. (phần 5)

Anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 được quyền sử dụng 1.909 m², có T1 cận: Đông giáp nương vật liệu dài 21,90 m; Nam giáp đất bà Lý Thị H2 dài 135,85 m; Tây giáp thửa 328 dài 13,33 m; Bắc giáp đất ông Lý Văn M dài 152 m. (phần 6)

Bà Lý Thị H2 được quyền sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 24,89 m; Nam giáp đất ông Lý Long A dài 117,49 m; Tây giáp thửa 328 dài 14,14 m; Bắc giáp đất anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 dài 135,85 m. (phần 7)

Ông Lý Long A được quyền sử dụng 1.784,5 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 30,53 m; Nam giáp đất thửa 08 dài 94,69 m; Tây giáp thửa 328 dài 14,77 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị H2 dài 117,49 m. (phần 8)

Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác; án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự trong vụ án.

- Ngày 12-12-2022, ông Lý Long A, bà Lý Thị P kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì: Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Lê Văn S cho riêng cụ T1, cụ T1 kê khai đăng ký năm 1996 nên áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, vợ và chồng được quyền có tài sản chung hoặc tài sản riêng; thửa đất số 395 không phải là thửa đất cụ T1 giao cho ông M2 đứng tên giùm mà là nhận chuyển nhượng từ ông M2, là tài sản riêng của cụ T1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông Lý Long A, bà Lê Thị P giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày bổ sung là thời gian cụ K sống ở Long An có sống chung như vợ chồng với một người tên O, không có con chung, khi cụ K chết các chị ông A bán tài sản của cụ K ở Long An về chia tiền với nhau, ban đầu định không chia cho ông A, sau khi ông A phản ứng mới chia.

+ Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lý Long A, bà Lê Thị P:

Căn cứ vào lời khai của ông Lê Văn S, đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ V là cha cụ T1, hoàn cảnh cụ T1 khó khăn nên cụ V gọi cụ T1 về cho đất, việc tặng cho đất lúc bấy giờ không ràng buộc thủ tục như hiện nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Á khai tình tiết mới là cụ K có sống chung như vợ chồng với người tên là Ồ, nếu được thì đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa phúc thẩm để xác minh làm rõ. Cụ T1 xác lập quyền sử dụng đất 02 lần vào năm 1996 và năm 2005, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã PN, là tài sản riêng của cụ T1, cụ K không phản đối là từ bỏ tài sản; cụ T1 xác lập và sử dụng đất trên 30 năm, không tranh chấp, hôn nhân thực tế không còn, việc cụ T1 tặng cho ông Á là hợp pháp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Á cung cấp giấy ra viện của cụ T1 ghi ngày 23-10-2020 thể hiện cụ T1 không minh mẫn khi lập giấy ủy quyền cho người đại diện tham gia tố tụng trong vụ án này vì cụ T1 không có ý đòi ông Á trả lại đất. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Ý kiến của Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Long Á, bà Lê Thị P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Nguyên đơn Lý Văn M; người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan, gồm: Cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị G, bà Lý Thị L1 vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; những người có quyền L1, nghĩa vụ liên quan khác có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Đ1 228, khoản 2 Đ1 296 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của ông Lý Long Á, bà Lê Thị P, thấy rằng:

- Ông Á, bà P cho rằng toàn bộ đất đang tranh chấp là tài sản riêng của cụ Lê Thị T1, không phải là di sản thừa kế của cụ Lý Văn K là không có căn cứ, bởi vì:

Các bên đương sự đều thống nhất, đất cụ T1 có được từ năm 1977 nhưng khai khác nhau về nguồn gốc: Ông Á và ông Lê Văn S (em ruột cụ T1) khai đất do ông S tặng cho riêng cụ T1; ông M và những người con khác khai do cụ T1, cụ K và những người con lớn khai vỡ, ông S chỉ là người chỉ chỗ cho khai vỡ, lời khai của hai bên đương sự đều không có chứng cứ chứng minh.

Tuy nhiên, việc cụ T1 khai phá hay cùng cụ K khai phá cũng là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân vì cụ K và cụ T1 sống chung như vợ chồng từ năm 1950, thời điểm phát sinh tài sản là năm 1977, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1959 có hiệu lực pháp luật ở miền Nam kể từ ngày 25-3-1977, theo Nghị quyết số: 76-CP ngày 25-3-1977, của Hội đồng Chính phủ, về việc hướng dẫn thi hành và xây dựng pháp luật thống nhất cả nước, tại Điều 15 quy định: “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Tuy cụ K về Long An sống từ năm 1979 nhưng đến khi chết vẫn chưa ly hôn với cụ T1, việc này chính ông A cũng đã thừa nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A khai, theo ông biết trong thời gian sống ở Long An, cụ K có sống chung với người tên là O nhưng lời khai này không có chứng cứ chứng minh, ở giai đoạn xét xử sơ thẩm không ai đề cập đến. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự đã khai, sau khi cụ K chết bà L2 về Long An bán hết tài sản của cụ K và mang tiền về Tây Ninh chia cho các anh chị em, hoàn toàn không đề cập gì về người có tên là O. Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông A cho rằng nếu được thì đề nghị ngừng phiên tòa phúc thẩm để xác minh là không cần thiết.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ đất đang tranh chấp là tài sản chung của cụ T1 và cụ K là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Đất đang tranh chấp qua đo đạc, định giá, xác định được như sau:

+ Diện tích 5.975,6 m², thửa 18, tờ bản đồ 40, tương ứng thửa 395, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03583 ngày 13-11-2007, ông Lý Long A đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 8.334 m². Trị giá đất 1.466.833.948 đồng.

+ Diện tích 5.069,6 m², thửa 15, tờ bản đồ 40, tương ứng thửa 445, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03584, ngày 13-11-2007, ông Lý L1 A đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 5.000 m². Trị giá đất 1.736.962.419 đồng.

+ Diện tích 15.147,5 m², thửa 95, tờ bản đồ 31, tương ứng các thửa 261, 262, 1522, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03585 ngày 13-11-2007, ông Lý Long A đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 15.300 m². Trị giá đất 3.151.838.476 đồng.

Tổng giá trị tài sản của cụ T1 và cụ K là 6.355.634.843 đồng.

Việc chênh lệch diện tích của thửa đất 395 như quyết định giám đốc thẩm đã nêu, khi xét xử lại Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ, các bên đương sự thừa nhận là không có việc chuyển nhượng đất giữa ông M1 và cụ T1 mà chỉ là do ông M2 sống chung nhà, thay cụ T1 kê khai đăng ký, sau đó đã làm thủ tục sang tên lại cho cụ T1, đất vẫn là của cụ T1 và do cụ T1 sử dụng từ trước đến nay. Diện tích của thửa đất này tính theo diện tích thực tế đo đạc như đã nêu trên.

Việc ông A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là cấp thông qua giao dịch tặng cho từ cụ T1, không phải là quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật Tổ tụng hành chính; tuy ông A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông A cũng là một trong những người thừa kế, nên không cần thiết phải xem xét hủy hay không hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông A đứng tên theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Bộ luật Tổ tụng dân sự mà chỉ kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án nên không cần thiết phải đưa cơ quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng như quyết định giám đốc thẩm đã nêu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên *các đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận theo bản án* là không đúng, không thi hành án được nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cho đúng.

- Đối với yêu cầu của cụ T1 về việc tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ T1 và ông A vô hiệu thì chỉ có căn cứ chấp nhận $\frac{1}{2}$ yêu cầu, bởi vì: Đất là tài sản chung của cụ T1 và cụ K, cụ T1 tự ý tặng cho ông A cụ K không biết là không đúng theo quy định tại Điều 28 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu $\frac{1}{2}$ hợp đồng là đúng theo quy định tại Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Cụ T1 cho rằng không tặng cho, chỉ sang tên cho ông A để thế chấp vay ngân hàng nhưng lời khai này không có chứng cứ chứng minh, ông A không thừa nhận nên không có căn cứ tuyên vô hiệu phần tặng cho tài sản của cụ T1 đối với ông A; tại thời điểm tặng cho, cụ K còn sống, chưa phát sinh quyền thừa kế của cụ T1 đối với tài sản của cụ K. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hiệu lực của $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản tặng cho để ông A được sở hữu là có căn cứ.

Cụ K chết không để lại di chúc, Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật phần tài sản của cụ K trong khối tài sản chung của cụ K và cụ T1 là $\frac{1}{2}$ tài sản, trị giá 3.177.817.421 đồng (6.355.634.843 đồng: 2) là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 650 của Bộ luật Dân sự.

Về chia theo giá trị và chia theo hiện vật, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định và phù hợp với hiện trạng tài sản.

[3] Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A bà P cho rằng cụ K đã từ bỏ quyền sở hữu tài sản, hôn nhân thực tế giữa cụ T1 và cụ K không còn từ đó dẫn đến việc tặng cho đất giữa cụ T1 và ông A có giá trị pháp lý là không có căn cứ như phân tích nêu trên.

Luật sư cho rằng căn cứ theo giấy ra viện của cụ T1 vào năm 2020, chứng minh cụ T1 không còn minh mẫn, hợp đồng ủy quyền tham gia tố tụng vô hiệu là không có căn cứ, bởi vì giấy ra viện không phải là căn cứ để xác định cụ T1 bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, giấy ủy quyền đã được chứng thực

đúng theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực. Luật sư cho rằng cụ T1 không có ý đòi lại tài sản đã tặng cho ông Â là không có căn cứ, bởi vì theo biên bản lấy lời khai ngày 17-9-2019, ông Lê Văn Sạnh khai ông Sạnh có khuyên can nhưng cụ T1 nhất quyết đòi lại phần đất đã làm thủ tục tặng cho ông Â, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án cụ T1 vẫn giữ quan điểm yêu cầu hủy việc tặng cho đất cho ông Â.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Â, bà P và không có căn cứ chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền lợi của ông Â, bà P, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Â, bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Do bản án sơ thẩm tuyên chia thừa kế là đất nhưng không tuyên rõ phần đất các đương sự được chia thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nào, ai đứng tên là thiếu sót và khó khăn khi thi hành án. Di sản thừa kế được xác định sau khi xem xét tính hiệu lực của hợp đồng tặng cho nhưng không tuyên về hợp đồng tặng cho trước mà lại tuyên chia thừa kế trước là không đúng theo trình tự về nội dung. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại cách tuyên án cho đúng.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Â và bà P phải chịu theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 128 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 28 của Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Long Â, bà Lê Thị P.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 116/2022/DS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, về nội dung, điều chỉnh lại cách tuyên án như sau:

2.1. Chấp nhận $\frac{1}{2}$ yêu cầu, không chấp nhận $\frac{1}{2}$ yêu cầu khởi kiện của cụ Lê Thị T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa cụ Lê Thị T1 và ông Lý Long Â, ghi ngày 15-7-2007, đối với:

+ Diện tích 5.975,6 m², thửa 18, tờ bản đồ 40, tương ứng thửa 395, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03583 ngày 13-11-2007, ông Lý Long Â đứng tên.

+ Diện tích 5.069,6 m², thửa 15, tờ bản đồ 40, tương ứng thửa 445, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03584, ngày 13-11-2007, ông Lý Long Â đứng tên.

+ Diện tích 15.147,5 m², thửa 95, tờ bản đồ 31, tương ứng các thửa 261, 262, 1522, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03585 ngày 13-11-2007, ông Lý Long Â đứng tên.

Tổng giá trị tài sản là 6.355.634.843 đồng.

Công nhận $\frac{1}{2}$ hợp đồng tặng cho có hiệu lực pháp luật với giá trị 3.177.817.421 đồng, ông Lý Long Â được sở hữu phần tài sản trong hợp đồng tặng cho được Tòa án công nhận.

Tuyên bố vô hiệu $\frac{1}{2}$ hợp đồng tặng cho với giá trị 3.177.817.421 đồng.

2.2. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp thửa đất số 260, diện tích 2.100 m².

2.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn M và yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, gồm: Cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G, bà Lý Thị H2 anh Lý Hoài Th2, Lý Hoài T2, em Lý Hoài A1 (do bà Nguyễn Thị L2 đại diện theo pháp luật) đối với ông Lý Long Â, bà Lê Thị P về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2.4. Chia di sản thừa kế của cụ Lý Văn K theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Chia theo giá trị: Tổng giá trị di sản là 3.177.817.421 đồng, chia thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 08 người, gồm: Cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G, ông Lý Văn M, bà Lý Thị Hận, ông Lý L1 Ân, người thừa kế của ông Lý Văn Mẩn (gồm: Lý Hoài Th2, Lý Hoàng T2, Lý Hoài A1), mỗi kỷ phần là 397.227.177 đồng.

Ngoài ra, ông Lý Long Â được sở hữu phần tài sản cụ T1 tặng cho, được Tòa án công nhận, trị giá 3.177.817.421 đồng nên tổng giá trị tài sản ông Â được tặng cho và được chia thừa kế là 3.177.817.421 đồng + 397.227.177 đồng = 3.575.044.598 đồng.

- Chia bằng hiện vật là đất, tọa lạc tại: Ấp PL, xã PN, huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo bản án, như sau:

+ Ông Lý Long Â được quyền sử dụng các phần đất, gồm:

Diện tích 5.975,6 m², thửa 18 tờ bản đồ 40, có tứ cận: Đông giáp đất ông Lê Văn Tr2 dài 73,30 m; Tây giáp đường đất dài 40,84 m; Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Ngh dài 137,23 m; Bắc giáp thửa 15 dài 47,14 m; giáp đất ông Lê Thanh L1 dài 22,02 m; 15,69 m; giáp đường đất dài 31,15 m. Trị giá đất 1.466.833.948 đồng. Tương ứng thửa 395, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03583 ngày 13-11-2007, ông Lý Long Ân đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 8.334 m².

Diện tích 5.069,6 m² thửa 15 tờ bản đồ 40, tứ cận: Đông giáp thửa 18 dài 18,53 m + 11,9 m giáp đất ông Lê Thanh L1 dài 14,46 m; Tây giáp đất ông Nguyễn Văn Ngh dài 66,28 m; Nam giáp thửa 18 của dài 47,14 m và giáp đường đất dài 32,05 m + 19,89 m; Bắc giáp đất ông Lê Thanh L1 dài 88,61 m + 17,26 m. Trị giá đất 1.736.962.419 đồng. Tương ứng thửa 445, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03584, ngày 13-11-2007, ông Lý Long Ân đứng tên, diện tích trong giấy chứng nhận là 5.000 m².

Hai phần đất nêu trên do ông Ân, bà P, anh Lý Thành L1, chị Nguyễn Thị Thùy T4 đang quản lý.

+ Chia phần đất diện tích 15.147,5 m², thửa 95, tờ bản đồ 31, tương ứng các thửa 261, 262, 1522, tờ bản đồ số 6, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H03585 ngày 13-11-2007, ông Lý Long Ân đứng tên, cụ thể như sau:

Cụ Lê Thị T1 được sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 14,64 m; Tây giáp thửa 328 dài 8,91 m; Nam giáp đất bà Lý Thị Lôi dài 204,21 m; Bắc giáp thửa 82 dài 180,97 m; 17,11 m; 16,92 m. (phần 1)

Bà Lý Thị L1 được sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 15,89 m; Tây giáp thửa 328 dài 9,67 m; Nam giáp đất bà Lý Thị M dài 192,49 m; Bắc giáp đất cụ Lê Thị T1 dài 204,21 m. (phần 2)

Bà Lý Thị M được sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 16,93 m; Tây giáp thửa 328 dài 10,30 m; Nam giáp đất bà Lý Thị G dài 180,01 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị L1 dài 192,49 m. (phần 3)

Bà Lý Thị G được sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 18,19 m; Tây giáp thửa 328 dài 11,07 m; Nam giáp đất anh Lý Hoàng T2, Lý Hoài Th2, Lý Hoài A1 dài 166,59 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị M dài 180,01 m. (phần 4)

Ông Lý Văn M được sử dụng 1.909 m², có tứ cận: Đông giáp nương vật liệu dài 19,79 m; Tây giáp thửa 328 dài 12,04 m; Nam giáp đất bà Lý Thị Hận dài 152 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị G dài 166,59 m. (phần 5)

Những người thừa kế của ông Lý Văn M2, gồm: Anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 được sử dụng 1.909 m², có T1 cận: Đông giáp

mường vật liệu dài 21,90 m; Tây giáp thửa 328 dài 13,33 m; Nam giáp đất bà Lý Thị H2 dài 135,85 m; Bắc giáp đất ông Lý Văn M dài 152 m. (phần 6)

Bà Lý Thị H2 được sử dụng 1.909 m², có T1 cận: Đông giáp mường vật liệu dài 24,89 m; Tây giáp thửa 328 dài 14,14 m; Nam giáp đất ông Lý Long A dài 117,49 m; Bắc giáp đất anh Lý Hoàng T2, Lý Hoài Th2, Lý Hoài A1 dài 135,85 m. (phần 7)

Đất do ông A, bà P đang quản lý, ông A, bà P có nghĩa vụ giao cho những người được chia như trên.

Ông Lý Long A được sử dụng 1.784,5 m², có tứ cận: Đông giáp mường vật liệu dài 30,53 m; Tây giáp thửa 328 dài 14,77 m; Nam giáp đất thửa 08 dài 94,69 m; Bắc giáp đất bà Lý Thị H2 dài 117,49 m. (phần 8)

2.5. Ghi nhận tài sản trên đất của ai được chia thì người đó sở hữu, các đương sự không tranh chấp.

2.6. Kiến nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo bản án.

2.7. Về chi phí tố tụng khác:

Ông Lý Văn M phải chịu 4.265.625 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng, ghi nhận đã nộp xong.

Cụ Lê Thị T1 phải chịu 38.390.625 (ba mươi tám triệu ba trăm chín mươi ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng, nộp trả cho ông Lý Văn M.

Bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G, bà Lý Thị Hận ông Lý Long A mỗi người phải chịu 4.265.625 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng, nộp trả cho ông Lý Văn M.

Anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 phải chịu 4.265.625 (bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng, nộp trả cho ông Lý Văn M.

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu những người có nghĩa vụ nộp trả số tiền như đã nêu trên chưa nộp trả đủ thì hàng tháng họ còn phải trả cho ông M tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Lê Thị T1, bà Lý Thị L1, bà Lý Thị M, bà Lý Thị G được miễn.

- Hoàn trả cho bà Lý Thị G 3.603.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0011766 ngày 22-5-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

- Ông Lý Văn M phải chịu 19.861.359 đồng, được trừ vào 3.602.800 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0011602 ngày 08-4-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn phải nộp là 16.258.559 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm năm mươi chín) đồng.

- Anh Lý Hoàng T2, anh Lý Hoài Th2, em Lý Hoài A1 phải chịu 19.861.359 đồng, được trừ vào 3.603.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0011767 ngày 22-5-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn phải nộp là 16.258.559 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm năm mươi chín) đồng.

- Bà Lý Thị H2 phải chịu 19.861.359 đồng, được trừ vào 3.603.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0011768 ngày 22-5-2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, số tiền còn phải nộp là 16.258.559 (mười sáu triệu hai trăm năm mươi tám ngàn năm trăm năm mươi chín) đồng.

- Ông Lý Long Â phải chịu 19.861.359 đồng án phí chia di sản thừa kế và 300.000 đồng án phí tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Tổng cộng là 20.161.359 (hai mươi triệu một trăm sáu mươi một ngàn ba trăm năm mươi chín) đồng.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lý Long Â và bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0012880 ngày 12-12-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TTN;
- TAND H. DMC;
- Chi cục THADS H. DMC;
- Phòng KTNV&THA TATTN;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Thị Đồng

